TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2024.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp
2. Bà Nguyễn Hồng Phượng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:193/2024/QĐ-ST, ngày 15/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 1/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Minh L**, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Số 259/1 T, Ấp H, thị trấn M, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở hiện nay: Số 66/4, hẻm 66, đường B, khóm 5, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thanh H,** sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 259/1 T, Ấp H, thị trấn Mn, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 2/2/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Minh L trình bày:* Vào năm 2005 ông L bà H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cũng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, H có quan hệ với người đàn ông khác và vợ chồng sống không hạnh phúc. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và không hàn gắn, đoàn tụ lại được.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 06 con chung là: Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 26/4/2008, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 1/7/2020, Nguyễn Minh T1 sinh ngày 14/10/2013, Nguyễn Minh K, sinh ngày 1/10/2015, Nguyễn Hoàng B sinh ngày 14/3//2018 , Nguyễn Như Q, sinh ngày 12/9/2020. Hiện nay cháu T1, cháu K đang sống với ông L còn cháu D, Bách T, Q đang sống với bà H. Nay về con chung ông L yêu cầu nuôi dưỡng cháu K và T1, 4 cháu còn lại để bà H nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai tài sản gì nên không yêu cầu toà án giải quyết.

- Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

* Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho ông L được ly hôn với bà H. Về con chung giao cho ông L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1 sinh ngày 14/10/2013, Nguyễn Minh K, sinh ngày 1/10/2015, bà H được quyền nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 26/4/2008, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 1/7/2020, Nguyễn Hoàng B sinh ngày 14/3//2018 , Nguyễn Như Q, sinh ngày 12/9/2020. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông L và bà H không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Còn bị đơn sau khi thụ lý tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông L và bà H theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*:

Ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010 và được Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó đến năm 2022 thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, và cuối cùng vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không hàn gắn lại được.

[2] Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông L và bà H không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc ông L yêu cầu được ly hôn với bà H là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 06 con chung gồm: Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 26/4/2008, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 1/7/2020, Nguyễn Minh T1 sinh ngày 14/10/2013, Nguyễn Minh K, sinh ngày 1/10/2015, Nguyễn Hoàng B sinh ngày 14/3//2018, Nguyễn Như Q, sinh ngày 12/9/2020. Hiện nay cháu T1, cháu K đang sống với ông L còn cháu D, Bách T, Q đang sống với bà H. Nay về con chung ông L yêu cầu nuôi dưỡng cháu K và T1, 4 cháu còn lại để bà H nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng

Xét thấy, từ khi ông L và bà H sống ly thân thì các cháu T1 và K sống với ông L cho đến nay, Toà án không ghi nhận được ý kiến nguyện vọng của cháu T1 và cháu K vì ông L không thống nhất cho Toà án tiếp xúc với các cháu. Vì vậy cần tiếp tục để cháu T1 và K sống với ông L và giao cháu T1, K cho ông L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp. Đối với các cháu D, Bách T, Q hiện đang sống với bà Hoà, Toà án không ghi nhận được ý kiến, nguyện vọng của các cháu D, Bách T, Q vì hiện bà H đã đưa các cháu lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, bà H không hợp tác với Toà án. Vì vậy cần tiếp tục để các cháu sống với bà H và giao cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các cháu D, Bách T, Q đến đủ 18 tuổi là phù hợp. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con cho cả ông L và bà H không ai được quyền ngăn cản.

[4] *Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con*: Do các đương sự không yêu cầu vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông L và bà H.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí*:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**,** Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh L.

- *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Minh L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H.

- *Về con chung*: Ông L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1 sinh ngày 14/10/2013, Nguyễn Minh K đến đủ 18 tuổi. Bà H được quyền nuôi dưỡng 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 26/4/2008, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 1/7/2020, Nguyễn Hoàng B sinh ngày 14/3//2018 , Nguyễn Như Q, sinh ngày 12/9/2020 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho bà H và ông L không ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung*: Không có**.**

- *Về nợ chung:* Không có

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0004565, ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, ông L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện M;*
- *Chi cục THADS huyện M;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải